

Bản án số: 374/2018/DS-ST
Ngày: 31/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Toà án quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A; Trụ sở: Quận 4, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994; Địa chỉ: quận Phú Nhuận, TPHCM; Văn bản ủy quyền số 2050/UQTA – VH.18 ngày 30/5/2018;

Bị đơn: Ông Trần Trung H, sinh năm 1990; Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM;
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/5/2018 của nguyên đơn là Công ty A, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh V thì:

Ngày 18/12/2015 ông Trần Trung H có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và ngày 22/12/2015 được phê duyệt Hợp đồng tín dụng số 20151226 – 500000 – 1272 với Công ty A để vay số tiền 29.540.000 đồng với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông H có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 48.323.000 đồng trong thời hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi

tháng thanh toán số tiền 1.337.000 đồng. Tháng cuối cùng thanh toán 1.528.000 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 01/02/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H thanh toán được 14 kỳ với số tiền là 19.218.000 đồng. Kể từ ngày 22/01/2018 thì ngưng trả cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn là ông Trần Trung H có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vốn gốc còn lại là 21.087.799 đồng và lãi là 8.017.201 đồng. Tổng cộng là 29.105.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Trần Trung H đã tự khai và thừa nhận quá trình ký kết hợp đồng và lịch sử thanh toán như phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn đồng ý thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất phương thức thanh toán đối với số nợ nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đề nghị được tiếp tục trả dần hàng tháng theo như hợp đồng đã ký kết là 1.337.000 đồng/ tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Trần Trung H có vay của Công ty A số tiền 29.540.000 đồng để tiêu dùng cá nhân nên xác định giữa ông H và Công ty A có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do ông H không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện ông H tại nơi ông H cư trú là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V và bị đơn là ông Trần Trung H có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20151226 – 500000 – 1272 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 29.540.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày

22/01/2018. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn là ông Trần Trung H có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vốn gốc còn lại là 21.087.799 đồng và lãi là 8.017.201 đồng. Tổng cộng là 29.105.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn thừa nhận số nợ còn lại chưa thanh toán như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị được tiếp tục trả dần mỗi tháng 1.337.000 đồng như hợp đồng đã ký kết cho đến khi hết nợ vì đang gặp khó khăn.

Xét, việc thỏa thuận của các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng số 20151226 – 500000 – 1272 ngày 22/12/2015 là tự nguyện. Nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn đề nghị được tiếp tục thanh toán bằng hình thức trả dần hàng tháng theo như hợp đồng đã ký kết vì cho rằng mình đang khó khăn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai của mình là có căn cứ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn còn phải trả lãi trong trường hợp chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Mức án phí bị đơn phải chịu là 5% của số tiền buộc phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty A do ông Nguyễn Thanh V làm đại diện đối với bị đơn là ông Trần Trung H.

Buộc ông Trần Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền 29.105.000 đồng (thai mươi chín triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.445.250 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty A là 727.625 đồng (bảy trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0029543 ngày 28/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị